**NHỮNG LÍ THUYẾT VĂN HOÁ NỀN TẢNG CỦA CÁC PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO (KHẢO SÁT TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM)**

Tóm tắt: Trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam có sự xuất hiện phong phú, đa dạng các kiểu loại phương thức dự báo như điềm triệu, phong thuỷ, chiêm mộng, tướng số, bói toán, tử vi… Những phương thức này khác biệt nhau trong kĩ thuật để biết kết quả dự báo nhưng có sự tương đồng nhau là đều chịu ảnh hưởng của các lí thuyết nền tảng như âm dương ngũ hành, thiên nhân hợp nhất, ma thuật vi lượng. Nghiên cứu việc ảnh hưởng của những lí thuyết trên vào các phương thức dự báo sẽ giúp người đọc hiểu sâu hơn về giá trị nội dung tư tưởng, văn hoá của tác phẩm.

Từ khoá: Dự báo, điềm triệu, bói toán, âm dương, ma thuật

1. **MỞ ĐẦU**

Các phương thức dự báo trong văn học trung đại Việt Nam nói chung, trong văn xuôi tự sự trung đại nói riêng tuy là một vấn đề thú vị nhưng vẫn chưa thực sự nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Rải rác trong một số công trình, các nhà nghiên cứu có đề cập nhắc đến như dự báo và các triết thuyết văn hoá liên quan: Hoàng Thị Tuyết Mai đề cập đến mối quan hệ giữa trời và người: "*Điềm lành và tai dị là những biểu hiện của tự nhiên, vũ trụ mà con người ở bất kì thời đại nào cũng quan tâm. Với người phương đông xưa, điềm lành và tai dị không đơn thuần lẽ tự nhiên mà nó còn bao chứa những giá trị triết lí về mệnh trời, về mối quan hệ linh diệu giữa trời và người*" [5, tr. 101]; Trần Nghĩa cũng đã khẳng định tư tưởng Nho, Phật, Lão, phong thuỷ, vu bốc, âm dương ngũ hành ảnh hưởng vào trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Những lí thuyết trên thể hiện rõ trong các phương thức dự báo mà các tác giả trung đại sử dụng: “*Tư tưởng phong thủy, vu bốc cũng được phản ánh trong nhiều tiểu thuyết, mà những chuyện về “để mả” trong Công dư tiệp kí và “bói toán” trong Cổ quái bốc sư truyện có thể xem là các ví dụ điển hình*” [6, tr. 37]; Lê Thu Yến trong bài *Giá trị hiện thực của yếu tố tâm linh trong văn học trung đại* phân tích về các yếu tố tâm linh trong văn học trung đại, trong đó chỉ ra nhiều phương thức dự báo: “*Các yếu tố tâm linh trong văn học trung đại bao gồm: Trời phật, thần, tiên, cầu cúng, khấn vái, hồn ma, hóa kiếp, phép thuật, tướng số, bói toán, phong thủy, điềm báo, báo ứng, mộng… Đây là những yếu tố thuộc thế giới tâm linh hiện diện như một thế tất yếu trong văn học trung đại*” [14, tr. 30]. Nhưng nghiên cứu và chỉ ra những nền tảng lí thuyết, cơ sở tồn tại, những ảnh hưởng của lí thuyết văn hoá chi phối đến các phương thức dự báo thì hầu như chưa thấy đề cập đến. Vì thế bài viết của chúng tôi hi vọng sẽ mang đến một cái nhìn sâu hơn về các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam

1. **NỘI DUNG**

Thuật ngữ dự báo có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp "Pro" (nghĩa là trước) và "gnois" (có nghĩa là biết), "prognois" nghĩa là biết trước. Theo định nghĩa của tác giả *Từ điển tôn giáo và các thể nghiệm siêu việt* thì *Sự dự đoán* (báo) là: một loại tiên tri trong đó thông tin về các sự kiện vị lai thu thập được thông qua người có khả năng tâm linh, thánh thần truyền linh hứng, đọc biết các biểu tượng, hay sự thay đổi ý thức. Trong khi lời tiên tri mang tầm vóc lớn liên quan đến nhiều người hay dân tộc, thì sự dự đoán chỉ liên quan đến cá nhân… sự dự đoán dựa trên nhận biết trước, hay hiểu biết vị lai trực tiếp. Hiểu biết này được tìm kiếm thông qua nhiều cách: trực giác, giấc mơ hay nhãn giới có được qua bói cầu, hoặc thông qua việc đọc các biểu tượng chẳng hạn như trong chiêm tinh, cỗ bài Tarot, xem chỉ tay, số khoa học, và các phương pháp bói toán khác [3, tr. 680]. Qua đó, ta thấy ở phương Tây có một số phương thức dự báo tiêu biểu như sử dụng trực giác, giấc mơ, xem bói cầu, chiêm tinh, chỉ tay… Dự báo ở phương Đông nói chung, Trung Quốc và Việt Nam nói riêng thường thiên về một số kiểu loại như xem điềm triệu, chiêm mộng, xem phong thuỷ, xem tử vi, xem tướng số, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên thông qua lên đồng… Dự báo có nguồn gốc từ việc sùng bái tự nhiên, sùng bái tô tem, sùng bái tổ tiên và sùng bái tôn thần. Hành vi bói toán, dự báo là một phương tiện để thăm dò ý đồ của các thế lực vô hình, cùng với cảm giác mờ ảo rằng bằng cách cầu xin câu trả lời của các thế lực đó như vậy, người ta đã lôi kéo được các thế lực đó ngả về hướng mà mình nhiệt tâm mơ ước. Các phương thức dự báo có rất nhiều kiểu loại khác nhau nhưng xét cho cùng lại xuất phát, bắt nguồn, chịu ảnh hưởng của một số lí thuyết văn hoá nhất định như thuyết âm dương ngũ hành, thuyết thiên nhân hợp nhất, thuyết ma thuật vi lượng…

**2.1. Thuyết âm dương, ngũ hành**

 Âm dương là nguyên tố (Trung Quốc gọi là khí) hoặc động lực cơ bản của hai loại trái ngược nhau nhưng lại kết hợp được với nhau trong vũ trụ. Âm dương nguyên là chỉ vật thể đối với hướng của ánh sáng mặt trời: phía trước mặt trời là dương, phía sau mặt trời là âm. Cơ sở nảy sinh muôn vật trời đất là do thế lực của hai khí âm dương. Âm dương sinh trưởng, tiêu diệt lẫn nhau hình thành những hiện tượng thiên biến vạn hóa trong vũ trụ. Thuyết ngũ hành về căn bản cũng là một cách biểu thị luật mâu thuẫn đã giới thiệu trong thuyết âm dương, nhưng bổ sung và làm cho thuyết âm dương hoàn bị hơn. Ngũ hành là: Kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Người xưa cho rằng mọi vật trong vũ trụ đều chỉ cho 5 chất phối hợp nhau mà tạo nên. Tinh thần cơ bản của nó bao gồm hai phương diện giúp đỡ nhau gọi là tương sinh (có nghĩa là giúp đỡ nhau để sinh trưởng: thuỷ sinh mộc, mộc sinh hoả, hoả sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thuỷ, thuỷ lại sinh mộc và cứ như vậy tiếp diễn mãi, thúc đẩy sự phát triển không bao giờ ngừng) và chống lại nhau gọi là tương khắc (có nghĩa là ức chế và thắng nhau: mộc khắc thổ, thổ lại khắc thuỷ, thuỷ lại khắc hoả, hoả lại khắc kim, kim khắc mộc, và mộc khắc thổ và cứ như vậy lại tiếp diễn mãi).

Khi đi vào trong tác phẩm văn học, do đặc trưng loại hình, các nhà văn không nói kĩ về tư tưởng âm dương, ngũ hành, mà chỉ nghiêng về miêu tả, kể,phân tích sự kiện liên quan đến nó. Tuy nhiên, dấu vết của những tư tưởng này vẫn thấy hiện ra dưới lớp từ ngữ. Trong quan niệm, tư duy của nhân dân, muốn đọc được thông tin qua các phương thức dự báo thì người xem cần hiểu thấu âm dương. Đánh giá cao tài năng của Cống Giác (tướng quân đồng thời cũng là bốc sư), người đời bình tán rằng: "Chớ bảo không tướng tài/ tể tướng giữa trần ai/ mưu cơ xem quá khứ/ trù liệu biết tương lai/ tay nắm thuật âm dương/lòng theo đạo đất trời/ màu huyền ai dò biết/ phép diệu đã an bài" (*Nam triều công nghiệp diễn chí*). Gieo quẻ Kinh Dịch trong cách làm đơn giản của dân gian là gieo tiền xin âm dương (sấp/ngửa) để tính quẻ: Cảnh thấy cha không về, vội vàng ra chợ xem bói. Thầy bói vốn là người thạo về Dịch lí, đã gieo tiền xin âm dương (*Hoan Châu kí*). Còn khi gặp chuyện bất trắc là đang động thổ xây dựng thì đám quân lính ngã vật ra, hoa mắt, chóng mặt, bất tỉnh, Đông Triều liền khấn xong, cầm hai đồng tiền cúi đầu tung lên rồi sụp lạy, dạ ran một tiếng, bảo mọi người là thần linh đã ứng cho một âm một dương (*Nam triều công nghiệp diễn chí*) (ứng một âm một dương chứng tỏ quỷ thần đã đồng ý). Chuyện phán truyền tương lai nhiều khi cũng được gọi tên là việc âm dương. Người ngồi đồng khi bị xúc phạm nhưng không hề tức giận mà còn phán truyền về tương lai ông Bùi Tự Khánh: "Nó tuy vô lễ, nhưng cố gắng lập sự nghiệp, tiền đồ của nó xa rộng lắm. Từ nay về sau cần phải khéo giữ gìn, chớ có can phạm vào việc chê trách âm dương" (*Tà không thể phạm tới chính*). Cha của Ngô Kiều Nương nghe con kể giấc mộng bèn lập một quẻ Dịch để xem. Ông phân tích quẻ Dịch cũng vận dụng âm dương: "Quẻ này… hai âm kẹp một dương… chủ có việc mừng hôn nhân" (*Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Việt Nam*) [7, tr. 398]. Khí âm dương không đều là nguyên nhân dẫn đến nhiều điềm dữ, điều này không chỉ được thể hiện trong các tác phẩm văn học mà còn được phản ánh rất nhiều trong các bộ sử. Nhân Tôn Tuyên Hoàng đế xuống chiếu rằng: “Mới rồi trời điềm tai biến, sao sa đất động, trẫm rất lo sợ. Nghĩ cớ sinh tai biến không biết bởi đâu. Hoặc là trẫm mới cầm quyền, chưa biết giảm nhẹ lao dịch thuế khoá… hoặc là phụ quốc đại thần điều hoà trái lẽ, nên khí âm dương không hoà mà đến thế chăng… Hạ lệnh cho hữu ty cùng bọn quân nhân đều phải hết lòng bày tỏ những điều có thể hồi được lòng trời, hết được tai biến” (*Việt sử lược*) [13, tr. 187- 188. Thuyết ngũ hành được các nhà văn sử dụng trong các phương thức dự báo tập trung nhất ở điềm lành qua sự xuất hiện của ngũ sắc: sự hiển linh của Phùng Hưng, thần Long Đỗ qua hình ảnh mang đậm triết lý âm dương, ngũ hành: nghìn xe ngựa bay trên khoảng ngọn cây nóc nhà... rực rỡ như mây kết 5 màu (*Bố Cái Đại vương*); mây mù nổi to, rồi có khí lành năm sắc rực rỡ lấp lóe như sao sáng rực, lạnh rợn người (*Quảng lợi thánh hựu uy tế phu ứng đại vương*). Vị sứ giả trong mẹ Mai Thúc Loan mang dấu hiệu điềm lành với tay cầm viên ngọc kê sơn bích năm sắc lóng lánh loé cả mắt (*Hương lãm Mai đế kí*) còn Mẹ Duy Chí là người nhân đức, bà nằm mơ thấy trước nhà có một đám mây năm sắc hiện ra (*Truyện Tể tướng xã Mộ Trạch*).

Một trong những vấn đề quan trọng của ngũ hành là luật tương sinh tương khắc, chế hoá nhau cũng được thể hiện rõ trong các phương thức dự báo. Trong *Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Việt Nam* nhân vật Hoa Viên đã vận dụng ngũ hành tương sinh tương khắc để phân tích điềm gió: "Gió này gọi là gió rung tai, chủ về có giặc đến. Nhưng hôm nay nhằm ngày Kỉ Tỵ, âm gió thuộc “giốc” mà gió từ Mão đến, âm nó thuộc “vũ”, thủy lai tư mộc, nước đến tưới cho cây lớn, là mẹ giúp con. Quân ta ắt đại thắng” [7, tr. 4477]. Tuổi tác chồng vợ cũng được phân tích theo lí thuyết này: chàng họ Dương lấy Hoa Viên và Kiều Nương nếu tính theo tuổi tác được xem là tam hợp (Thân-Tí-Thìn) (Hoa Viên tuổi thân, Dương Giới tuổi thìn, Kiều Nương tuổi Tí gọi là Tam hợp).

Thuyết âm dương ngũ hành là cơ sở lí thuyết quan trọng nhất làm nền tảng chi phối sự tồn tại của các phương thức dự báo, đặc biệt là tử vi, Kinh dịch, phong thuỷ, trạch cát, tướng số… Chính vì thế, lúc giải dự báo của các kiểu loại trên, bao giờ bốc sư cũng bắt đầu bằng việc xem sự tương hợp giữa âm – dương, giữa các yếu tố trong ngũ hành để biết lành dữ. Nếu âm dương hoà hợp, có âm có dương, các yếu tố trong ngũ hành tương sinh thì kết quả báo điều lành còn thuần âm, thuần dương, các yếu tố trong ngũ hành tương khắc thì kết quả là điều hung.

* 1. **Thuyết thiên nhân hợp nhất và nhân thể tiểu vũ trụ**

 *Thiên nhân hợp nhất* là tư tưởng quan trọng bậc nhất trong văn hóa truyền thống Trung Quốc. Lão Tử đã nói: *“Người thuận theo Đất, Đất thuận theo Trời, Trời thuận theo Đạo, và Đạo thuận theo tự nhiên”*, lấy Đạo và tự nhiên làm khởi nguồn giá trị tinh thần của loài người. Đổng Trọng Thư nêu rõ rằng: *“Thiên nhân chi tế, hợp nhi vi nhất.”* (Tạm dịch: Trời và Đất gặp nhau, hợp thành một thể). Trời là chỉ tự nhiên và trật tự tự nhiên, người là chỉ cá nhân hoặc bản thân cá thể, xã hội là chỉ đoàn thể nhân quần hoặc quốc gia. Ý niệm truyền thống về vũ trụ vận hành, tác động tức là mối quan hệ nói trên, coi trời, người, xã hội là ba phạm trù đối ứng và suy diễn thành quan hệ “thiên nhân cảm ứng”. Nếu nói về ý nghĩa “Thiên nhân cảm ứng” thì trời, người, xã hội đều hài hòa, và trong nội bộ ba cái đó cũng hài hòa. Đó là bước đường đi đến “thiên nhân hợp nhất” [11, tr. 98- 102]. Quan niệm nhân thể tiểu vũ trụ (thân thể con người là vũ trụ thu nhỏ), trên đại thể bao gồm ba tư tưởng chủ yếu: 1. Con người là linh của vạn vật. 2. Con người có thể dùng nhiều phương thức đối ứng vũ trụ. 3. Con người có thể dùng nhiều phương thức cảm ứng vũ trụ coi sự đối ứng của thân thể con người thành một vũ trụ thu nhỏ. Khái niệm thân thể con người là vũ trụ thu nhỏ bắt nguồn ở tư tưởng con người là linh của muôn vật, con người là hóa sinh của trời đất âm dương. Cho nên kết cấu, diện mạo con người thông qua phù hiệu là hệ thống can chi đều có thể đối ứng với trời và có thể cảm ứng lẫn nhau. Từ tư tưởng “thiên nhân cảm ứng” mở rộng thành quan hệ đối ứng giữa thân thể con người và vũ trụ và bắt nguồn và suy diễn từ thuyết âm dương ngũ hành. Vũ trụ là âm dương hài hòa, ngũ hành hóa sinh, thân thể con người cũng như thế. Con người lúc ban đầu sinh ra, theo giờ có can chi tám chữ, có thể dựa vào sinh khắc của âm dương ngũ hành trong tám chữ để bói, dự đoán cuộc đời, giàu sang, nghèo hèn... và lấy đó chiêm nghiệm tránh điều xấu, đi theo điều tốt, làm việc thuận theo số mệnh. Thân thể diện mạo con người đối ứng với hình tượng trời đất, thuật xem tướng dựa vào đó để đoán đức hạnh và phúc họa của con người, để biết số mệnh và không trái ý trời. Trời đất vũ trụ có thể tồn tại lâu dài, bản thân con người là hình ảnh vũ trụ thu nhỏ, nếu như chuyên cần tu dưỡng luyện đan, cuối cùng có thể hóa thành tiên cũng với trời đất sống vĩnh hằng, đó là bản chất của tư tưởng thành tiên mà người xưa mong ước. Khái niệm con người là hình ảnh vũ trụ thu nhỏ, đó là cơ sở, là chỗ dựa cho thuật số truyền thống dùng để suy đoán mệnh vận. Khi xảy ra nhiều thiên tai, điềm dữ thì vua sửa mình để cảm ứng trời đất, mong cho tai qua nạn khỏi: “Hạ tuần tháng bảy ở vùng đô thành xảy ra hỏa hoạn, cháy đến gần bảy trăm nhà dân, của cải gia súc thiệt hại nhiều vô kể. Vương biết ý trời, bèn giữ mình, sửa đức để cầu cho dân chúng tai qua nạn khỏi” (*Nam triều công nghiệp diễn chí*) [2, tr. 508- 509]; hay một hiện tượng của trời cũng ứng vào con người: Đến ngày Canh Thân mười sáu tháng chín, vào giờ Dậu, ở vùng biên giới phía tây nam bỗng có một luồng khí lạ bốc lên như dải lụa rộng đến ba, bốn thước, đầu nhọn, tỏa ánh sáng rực rõ nửa vàng nửa đỏ, hàng ngày cứ vào chập tối thì nhìn thấy, đến lúc mặt trời mọc mới thu thành một đám nhỏ rồi đứng yên, đến thượng tuần tháng mười hai mới mất. Danh sĩ Nam Hà thời bấy giờ xôn xao bàn tán tìm lời giải thích, không biết lành dữ thế nào. Có kẻ cao kiến nói nhỏ với nhau: “Luồng khí ấy khởi từ tháng Thân, kết ở phương Thân mà hai đầu đều nhọn, sợ có động chạm đến gót chân của vương thượng, cứ theo phép xem thiên tượng là như vậy”. Tuy thế không ai dám nói với Hiền vương. Người đời sau có thơ vịnh việc ấy như sau: “Thiên đạo ngời ngời ứng nghiệm thay/Vận hành suy thịnh há vơi đầy/Thời Nghiêu rối loạn mười vầng nhật/Ngũ đại tung hoành lũ sói cầy/Thiên cổ việc đời suy đó biết/Tiên tri giác ngộ hiểu sau này/Mới hay vận số âm dương nghiệm/Tóm chữ xưa rày thật chẳng sai”. Lại nói tháng bảy năm ấy, Hiền vương Nguyễn Phúc Tần đột nhiên xuất hiện bệnh chứng đau ốm chân, thuốc men chạy chữa không khỏi. Từ đó vương đị lại khó khăn, không ngồi voi cưỡi ngựa được như trước, vì thế vương không vui. Vương truyền lệnh cho các tướng luyện tập quân cơ để mưu đồ khôi phục. Đến lúc ấy triều thần mới nghiệm biết điều khí lạ năm trước ứng vào việc Hiền vương bị đau chân. Ấy là thiên cơ huyền diệu vậy (*Nam triều công nghiệp diễn chí*) [2, tr. 508- 509]. Ở Việt Nam sự thay thế của các đấng trị vì, sự thay triều đổi chủ trong lịch sử cũng được lí giải một cách chính thống là do ý trời. Các ông vua khi lên ngôi một cách chính danh được huyễn hoặc bằng điềm lành nào đó. Điềm lành là một loại kí hiệu không lời theo quan niệm chính thống của Nho giáo. Ý trời đã chi phối toàn bộ cuộc sống của con người – đó là thông điệp một cách chính thống của điềm lành và tai dị. Đó cũng là niềm tín ngưỡng đẹp đẽ của bao nhiêu thế kỉ con người cư trú ở mảnh đất phương Đông. Những hiện tượng tự nhiên như thiên tai, mất mùa, dịch bệnh xảy ra đều được hiểu là do đức trị của nhà vua chưa thấm nhuần hoặc do đấng chí tôn có chính sách chưa thoả đáng. Trong thực tế, điều đó có cơ sở hay không còn nhiều bàn cãi, nhưng có một thực tế rằng: thời trung đại cha ông ta có niềm tin mãnh liệt vào mối liên hệ mật thiết và tinh tế giữa trời và người. Chính niềm tin này là cơ sở, chắc chắn cho vua chúa hành xử trong mối quan hệ với nhân dân, cũng là điểm tựa để nhân dân vững tin và ổn định qua nhiều thăng trầm của lịch sử. Điều này được cảm nhận trong một chặng đường nào đó trong lịch sử của xã hội nguyên thuỷ, người ta thường tin những ông vua nắm được quyền năng siêu nhiên. Frazer cho rằng: "Người ta giả định rằng dòng chảy của tự nhiên tuỳ thuộc vào ông ta (vua) và người ta coi ông ta là người chịu trách nhiệm về thời tiết xấu, về những vụ mùa thu hoạch thất bát và những tai hoạ khác loại đó… người ta giả định là dòng chảy của tự nhiên chỉ phụ thuộc một phần nào đó ý chí của nhà vua: con người nhà vua, được coi như là trung tâm động lực của vũ trụ, từ đó toả ra bốn phương trời, tác động của sức mạnh đến mức chỉ một cử chỉ nhỏ của nhà vua cũng có thể tức thì tác dộng và làm rối loạn nghiêm trọng một yếu tố tự nhiên nào đó. Nhà vua là điểm tựa cố định của chiếc đòn bẩy thế giới và bất kì một điểm thất thường nhỏ nhất nào của vua cũng có thể làm đảo lộn thế cân bằng tinh tế" [4, tr. 283].

Bên cạnh thuyết âm dương ngũ hành thì thuyết thiên nhân hợp nhất, nhân thể tiểu vũ trụ cũng là cơ sở lí thuyết quan trọng tạo nên cơ sở tồn tại và niềm tin của con người vào dự báo. Trong quan niệm cổ xưa, mối quan hệ mật thiết, tương thông giữa trời và người đã khiến trời đưa ra những dấu hiệu dự báo như là những chỉ thị, dẫn dắt cho con người, nhất là đấng thiên tử (con trời). Từ quan niệm này đã dẫn dắt con người đi đến lối sống hài hoà với trời đất.

**2.3. Thuyết ma thuật vi lượng**

Thuyết này được James George Frazer đề cập đến trong tác phẩm *Cành vàng*, trong đó ông trình bày hai nguyên lí cơ bản: Nguyên lý thứ nhất đó là mọi vật giống nhau sẽ mời gọi vật đồng loại, hay là một hiệu quả sẽ tương tự như nguyên nhân của nó. Điều này được hiểu bằng việc bắt chước giản đơn, có thể làm nảy sinh mọi kết quả theo mong muốn. Nguyên lí này dựa trên việc kết hợp các ý tưởng bằng trạng thái giống nhau theo quy luật tương đồng. Ta thấy trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam các tác giả khi sử dụng những yếu tố dự báo như tiên tri, nhập thánh, phong thuỷ, tướng số, bói Dịch, tướng thuật, trạch cát, tử vi, điềm triệu, mộng… đều trực tiếp hay gián tiếp phản ánh vấn đề này:

Nhiều trường hợp vận dụng nguyên lí này không để hại người mà ma thuật vi lượng gắn với dự báo giúp chữa trị bệnh. Quý Kính bị bệnh mãi không khỏi bèn nhờ thầy số xem giúp, thầy phán: "Tháng giêng mùa xuân năm tới, trời sẽ đem việc lớn của thiên hạ kí thác cho ông, làm sao mà chết được". Người thầy số không chỉ phán truyền mà còn làm một việc mang tính ma thuật rất rõ, dùng chữ viết đề vào trong tử vi tám chữ “Cán truyền tạo hóa, trụ thạch càn khôn”, quả nhiên bệnh khỏi (*Cổ quái bốc sư truyện*). Như vậy, việc dự báo không chỉ dừng lại ở hành vi thông báo tương lai, mà việc viết chữ cũng góp phần làm cho dự báo trở thành hiện thực. Việc viết chữ thể hiện tính ma thuật vì nó truyền năng lượng, ý chí, suy nghĩ của người viết cho người nhận. Chi tiết tương tự cũng được lặp lại trong truyện Thám hoa thượng thư trí sĩ cẩm quận công Nguyễn Thọ Xuân, một người bạn ông ốm đã lâu, Nguyễn Thọ Xuân đến thăm rồi viết câu đối lên vách, nhắc lại hai lần “tật bệnh khử trừ” và khẳng định “thọ niên diên vĩnh” (sống lâu). Quả nhiên bạn ông khỏi bệnh và được sống lâu. Câu đối của ông có thể gọi là thần bút linh nghiệm (Thám hoa thượng thư trí sĩ cẩm quận công Nguyễn Thọ Xuân) [6, tr. 602]. Đây là một ví dụ rất tiêu biểu của phương thức dự báo qua tiên tri.

Cũng trong việc chữa bệnh, một trong những phương pháp phổ biến là dùng con vật truyền năng lượng cho con người (người ta tin rằng các con vật có phẩm chất hoặc những đặc tính giúp ích con người) và ma thuật vi lượng hay ma thuật bắt chước tìm cách truyền thụ, bằng nhiều cách khác nhau những phẩm chất ấy sang con người. Ông Hoàng Đình Chính bị bệnh sắp chết, được người mỹ nhân trong mộng là vợ kiếp trước của ông cho người biếu cá và chim ăn chữa bệnh. Quả nhiên, sớm mai thấy dân xã Lỗ Khê vịt le và chim sẻ vàng, thuyền ra đến giữa dòng, thấy có cá nhảy lên thuyền, ăn những thức ấy bệnh tự nhiên khỏi (*Thần hồ Động Đình*) [7, tr. 135- 136]. Cá và chim ở đây đây nếu chỉ nghĩ đơn giản là một phương thuốc trị bệnh thì e rằng quá đơn giản, đằng sau đó, sâu xa hơn là một ma thuật chữa bệnh, dùng sức mạnh, thuộc tính, hành trạng của con vật để truyền cho con người: chim bay cá nhảy.

Sự ứng dụng của ma thuật vi lượng còn liên quan đến chuyện đất đai phong thuỷ, tác giả James George Frazer đã dẫn ra một ví dụ thú vị: người ta thấy được một vận dụng khác của câu châm ngôn "Cái tương đồng làm nảy sinh cái tương đồng" trong tín ngưỡng của người Trung Quốc, cho rằng số mệnh của một thành phố rất gắn chặt với hình thù của nó và số mệnh đó phải thay đổi tuỳ theo tính chất thứ đồ vật mà nó giống nhất. Chính vì thế mà người ta kể lại rằng xưa kia thành phố Tsuen-cheu-fu vốn có đường bao quanh rất giống hình con cá chép đã thường xuyên là mồi cho những trận cướp phá của thành phố láng giềng, Yung-chun, hình thù như một tấm lưới đánh cá; một hôm những cư dân của thành phố thứ nhất có sáng kiến xây dựng tại đó hai ngôi chùa cao, ngày nay vẫn còn sừng sững ở trung tâm thành phố. Một ảnh hưởng hết sức may mắn đã tác động đến bộ phận thành phố, do việc ngôi chùa đã chặn đứng tấm lưới tương tượng của người láng giềng, trước khi nó rơi xuống và chụp lấy con cá chép tưởng tượng trong các mắt lưới của nó [4, tr. 71]. Cách nhìn nhận và lí giải này có sự tương đồng với các nhà văn trung đại Việt Nam, nhung nguoi da cho la phong thuỷ của nơi sinh sống co ảnh hưởng va tác động đến vận số con người. Tương truyền mộ tổ nhà Thám hoa Đinh Lưu ở cạnh núi Thần Đồng, núi này hình dáng giống quả cầu cho nên ông đá cầu rất giỏi (*Thám hoa Đinh Lưu*). Thầy địa lí dẫnTrâu Canh đến chỗ cóc tía bên cạnh núi, khen chỗ đất này rất đẹp, nếu làm nhà ở thì tất được giàu sang. Và khuyên khi đã được gần vua chúa rồi, phải dời nhà đi chỗ khác ngay, chứ không nên ở lại, dù chỉ một ngày vì: “Chỗ ông ở phía trước có mấy mẫu ruộng cao hình giống chiếc bàn dao cắt thuốc, cho nên nổi tiếng về nghề làm thuốc. Nhà ở cạnh núi, mỗi khi có mặt trăng tà chiếu, bóng núi đổ xuống trông như con cóc ở trên nóc nhà, còn người thì ngồi tại cung trăng, cho nên được gần vua chúa, ra vào nơi cung cấm. Chỉ hiềm nhà ở cạnh núi, địa điểm hơi bức bách, phía trước lại hướng về kiếp sơn, đi lại vô định cho nên giàu sang không được lâu” (*Chuyện Trâu Canh ở xã Tử Trầm*) [6, tr. 562]. Trong suy nghĩ của cha ông ta xưa cho rằng, phong thuỷ nơi ở với những đặc điểm riêng sẽ tác động đến cuộc sống hiện tại và tương lai con người. Sự tác động đó nhìn dưới khía cạnh văn hoá chính là chịu ảnh hưởng của qui luật tương đồng (ma thuật vi lượng).

Nguyên lý thứ hai, đó là những sự vật đã từng có một lần tiếp xúc với nhau, tiếp tục tác động lẫn nhau, kể cả khi cuộc tiếp xúc đó đã kết thúc, đến mức người ta tác động đến cái này cũng sẽ có tác động ảnh hưởng lên cái kia. Từ đó dẫn đến kết luận rằng: việc có thể tác động lên một đối tượng vật chất sẽ cũng tác động cả lên con người mà đối tượng vật chất ấy đã có một lần tiếp xúc. Ma thuật này dựa vào sự kết hợp các ý tưởng bằng trạng thái gần gũi kề cận, và nguyên lý thứ hai là quy luật của tiếp xúc hay là của sự lây truyền. Nếu nguyên lí thứ nhất là quy luật tương đồng và nguyên lý thứ hai là quy luật của tiếp xúc. Điều này thấy rất rõ trong nhiều tác phẩm khác, nhất là kiểu truyện được thần linh ban cho vật báu (mang thuộc tính thần linh, có phép màu) điềm báo cho chiến thắng, sự thay đổi vận mệnh. khi nhận được vật báu mang phép thuật, con người sẽ sở hữu một số khả năng như thần linh. Và ngay cả khi thần linh không còn ở bên cạnh con người. Rồng vàng “tháo móng chân” cho Triệu Việt vương, chỉ cần mang móng chân đó cài lên mũ đâu mâu, quân giặc trông thấy, tự nhiên sẽ khiếp sợ (báo trước trận chiến sẽ thắng) (*Triệu Việt vương và Lý Nam Đế*). Tiên Lã Động Tân gặp Hà Ôi Lôi, sau khi nghe nguyện vọng muốn được thanh sắc đã nhổ nước bọt vào mồm Hà Ôi Lôi và phán: “Thanh sắc của ngươi sẽ được và mất ngang nhau, tên tuổi của ngươi sẽ lưu tại cõi thế” [6, tr. 181]. Hành động nhổ nước bọt vào mồm rõ ràng là một hành động mang đậm chất ma thuật, truyền khả năng đặc biệt cho người. Qua đây, cũng góp phần dự báo về tương lai sau này của nhân vật. Quả nhiên sau đó Ôi Lôi tuy không biết chữ nhưng thông minh nhanh nhẹn, mồm mép hơn người, từ chương thi phú, hát ca ngâm ngợi, cợt gió đùa trăng du dương theo mây bổng, ai cũng thích nghe và "lập được công lớn" cho vua là chinh phục được nàng quận chúa khó tính (*Truyện Hà Ôi Lôi*).

Nếu không nghiên cứu sâu rất khó nhận thấy sự có mặt của thuyết ma thuật vi lượng trong các phương thức dự báo. Thuyết này được thể hiện chủ yếu trong các phương thức dự báo như tiên tri, phong thuỷ, chiêm mộng trên nguyên lí kêu gọi cái tương đồng. Dự báo là báo trước kết quả, nhưng chính hành vi dự báo cũng phần nào thúc đẩy kết quả đó đi đến như một nhận định của Levy Bruhl đã gợi ý cho chúng ta: "Những điềm báo trước có hiệu lực riêng. Chúng góp phần dẫn dắt điều mà chúng tiên đoán tới… Chúng không chỉ phát lộ một hành động có hại sắp được thực hiện hay đã được thực hiện ngay từ lúc này. Bản thân chúng đã thực hiện hành động ấy rồi" [1, tr. 98].

**KẾT LUẬN**

Khảo sát các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại ta thấy có rất nhiều kiểu loại dự báo. Chúng tuy khác nhau về cách thức, kỹ thuật dự báo nhưng đều được hình thành và vận dụng những nền tảng lí thuyết văn hoá chung mà tiêu biểu là thuyết âm dương ngũ hành, thiên nhân hợp nhất và ma thuật vi lượng. Tìm hiểu những nguyên lí, lí thuyết đó không chỉ giúp người đọc cảm nhận rõ hơn nội dung, giá trị thẩm mĩ của tác phẩm mà còn hiểu được rõ hơn chiều sâu giá trị văn hoá ẩn tàng dưới bề mặt văn bản.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bruhl L. (2008), “Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy*”*,*Tạp chí văn hóa nghệ thuật*, Nxb Thế giới,Hà Nội.
2. Nguyễn Khoa Chiêm (Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thuý Nga giới thiệu) (2003), *Nam triều công nghiệp diễn chí*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, tr.564.
3. Guiley R. (2005), *Từ điển tôn giáo và các thể nghiệm siêu việt*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
4. Jame F. (2007), *Cành Vàng, bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy*, Nxb Lao Động.
5. Hoàng Thị Tuyết Mai (2014), “Thơ Nôm Kỳ Thuỵ của các chúa Trịnh – Khúc xạ từ quan. điểm quan phương về tai dị và việc lành”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 3, tr.101
6. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 1, Nxb Thế giới, Hà Nội.
7. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 2, Nxb Thế giới, Hà Nội.
8. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 3, Nxb Thế giới, Hà Nội.
9. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 4, Nxb Thế giới, Hà Nội.
10. Ngô Gia Văn Phái, Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch dịch, Trần Nghĩa giới thiệu), (2006), *Hoàng Lê nhất thống chí*, Nxb Văn học, Hà Nội.
11. Lê Văn Quán (2008), *Chu dịch- vũ trụ quan*, Nxb Văn hóa thông tin, tr.98-112.
12. Nguyễn Cảnh Thị, (Trần Nghĩa giới thiệu) (2011), *Hoan Châu kí*, Nxb Thế giới, Hà Nội
13. Khuyết danh, (Trần Quốc Vượng dịch và chú giải) (2005), *Việt sử lược*, Nxb Thuận Hoá, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ đông tây, Huế.
14. Lê Thu Yến (2014*),“*Giá trị hiện thực của yếu tố tâm linh trong văn học trung đại*”,Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 4, tr.4-5,11-12.

Thạc sĩ: Trần Thị Thanh Nhị - Giảng viên Trường ĐHSP Huế

 Email: Thanhnhidh@gmail.com - Tel: 0978821814